

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X - T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày: 24-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X - T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X , tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phan Văn D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22/02/1991, tại C; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố C (nay là Ấp T, xã V, thành phố C); chỗ ở: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh L (nay là ấp L, xã M, tỉnh T); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị Bé S; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố tại ngoại điều tra. Có mặt;

- Bị hại: Chung Thị C (đã chết),

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Trương Tấn L, sinh năm 1957

2. Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1990

3. Ông Trương Tấn Thanh N, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Tổ ZZ ấp P, xã P, huyện C, tỉnh L (Nay là Ấp P, xã P, tỉnh T).

4. Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ XXX, tổ Y, khu phố A, thị trấn T, huyện B, Thành phố C (nay là xã T, Thành phố C)

Người đại diện hợp pháp của ông bà Trương Tấn L, Trương Tấn Thanh N, Trương Thị Thanh H: Bà Trương Thị Thanh N. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 21/12/2024, Phan Văn D có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 62N1-439.17 lưu thông trên đường ĐT835 hướng huyện Cần Đước đi Quốc lộ 1. Lúc này trời tối, có đèn chiếu sáng công cộng đang bật sáng và có ánh đèn chiếu sáng từ nhà dân ra đường, trời không có mưa, tầm nhìn không bị che khuất, mặt đường trải nhựa khô ráo, bằng phẳng, mật độ xe rất ít, giữa trung tâm đường có vạch sơn đứt quãng màu trắng chia thành 02 phần đường xe chạy, phần đường hướng huyện Cần Đước đi Quốc lộ 1 rộng 05m. Khi D điều khiển xe 62N1-439.17 đến đoạn Km 01^{+100m} thuộc Ấp X, xã P, huyện B (nay thuộc Ấp X P, xã M, tỉnh T) thì phía trước bên phải cùng chiều với D có bà Chung Thị C đang đứng cặp lề đường cùng với xe mô tô 50M-1382, do lái khuya, mệt và buồn ngủ, D ngủ gật, không chú ý quan sát, không làm chủ được tay lái nên điều khiển cho xe 62N1-439.17 chệch về bên phải dẫn đến bánh xe trước, phần mặt nạ xe phía trước bên phải đầu xe và bững chắn bùn bên phải xe 62N1-439.17 va đập vào hai thùng đựng thức ăn màu trắng được bà C treo phía sau bên trái xe 50M-1382 rồi va đập vào người bà C, dẫn đến bà C, D và 02 xe mô tô ngã trên đường, bà C bị thương nặng được D cùng người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện 115 - Thành phố C đến ngày 23/12/2024 tử vong.

Tại Biên bản dựng lại hiện trường ngày 21/12/2024 do Cơ quan CSĐT Công an huyện B lập, thể hiện: Nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, được rải nhựa bằng phẳng, có vạch sơn màu vàng đứt quãng chia thành 02 chiều đường xe chạy. Mặt đường rộng 10m, mỗi chiều đường rộng 05m, có hệ thống đèn đường chiếu sáng đặt ở bên trái đường theo hướng huyện Cần Đước đi Quốc lộ 1, khu vực xảy ra tai nạn không có biển báo hiệu giao thông.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự: Số (1) vết cày xe, số (2) xe mô tô 50M-1382, số (3) vết cày, số (4) xe mô tô 62N1-439.17. Chọn mép đường bên phải theo hướng huyện Cần Đước đi Quốc lộ 1 làm mép đường chuẩn. Chọn đường giáp ranh giữa 02 nhà hủ tiếu mực N và điện nước T làm điểm mốc. Hiện trường được khám nghiệm cụ thể như sau:

Số (1) là vết cày không liên tục dài 1,9m, đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 01m, cuối vết cày nằm phía dưới gát chân bên trái phía trước xe mô tô 50M-1382, đầu vết cày cách điểm mốc 05m.

Số (2) là xe mô tô 50M-1382, đầu xe hướng về Quốc lộ 1, có tâm trục bánh trước cách mép đường chuẩn 0,2m, tâm trục bánh sau nằm trên mép đường chuẩn, tâm trục sau (2) cách đầu (3) 1,3m.

Số (3) là vết cày không liên tục dài 04m, có đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 1,2m, cuối vết cày nằm phía dưới gát chân bên trái phía trước xe mô tô 62N1-439.17.

Số (4) là xe mô tô 62N1-439.17, ngã nghiêng bên trái, đầu xe hướng vào mép đường chuẩn có tâm trục bánh trước cách mép đường chuẩn 0,8m, tâm trục bánh sau cách mép đường chuẩn 02m.

Tại Biên bản khám phương tiện đối với xe mô tô biển số 62N1-439.18 ngày 21/12/2024 do Cơ quan Công an huyện B lập, thể hiện: đầu tay cầm bên trái phía trước bị ma sát mài mòn; đầu gát chân bên trái phía trước bị ma sát mài mòn; tay cầm phía sau bên trái bị ma sát mài mòn; ốp nhựa phía trên cụm đèn chiếu sáng phía trước bị bung rời; bửng chắn gió bên phải phía trước bị trầy xước và phía trong bị bung. Hệ thống an toàn kỹ thuật phương tiện hoạt động bình thường.

Tại Biên bản khám phương tiện đối với xe mô tô biển số 50M-1382 ngày 21/12/2024 do Cơ quan Công an huyện B lập, thể hiện: trên xe 50M-1382 có thanh cây gỗ chắn ngang phía sau chở 04 thùng nhựa màu trắng, đầu thanh gỗ phía trên bên trái phương tiện có vết ma sát, thùng nhựa màu trắng có vết ma sát màu đen kích thước 05x02cm và 05x06cm; biển số xe phía sau bị móp khung thùng từ phía sau về trước và ma sát. Hệ thống an toàn kỹ thuật của phương tiện hoạt động bình thường.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 04/KLGĐTT-TTPY ngày 09/01/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh L, giám định và kết luận: nguyên nhân tử vong của Chung Thị C do chấn thương sọ não nặng.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số: 211/291/25 KLGĐĐC-PYQG, ngày 14/01/2025 của Phân viện pháp y quốc gia tại Tp C, kết luận: Mẫu máu Chung Thị C không tìm thấy Ethanol và Methanol.

Tại Biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 26/12/2024 ở Cơ quan Công an huyện B kiểm tra nồng độ cồn có trong hơi thở của Phan Văn D thể hiện kết quả 00.000mg/L khí thở.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm ngày 26/12/2024 của Phòng khám đa khoa Phú Khang đối với Phan Văn D, nước tiểu âm tính với Amphetamin, Methamphetamin, Heroin, Morphine, Marijuana.

Tại Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSKV4 ngày 08 tháng 07 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T truy tố bị cáo Phan Văn D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn D hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo Phan Văn D về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Văn D từ 01 năm cho đến 01 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Văn D.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xe mô tô biển số 62N1-439.17, nhãn hiệu Honda, màu đỏ, 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 62N1-439.17 do Trần Thị Kim N đứng tên chủ sở hữu, quá trình xác minh xe trên thuộc sở hữu của Phan Văn D, CQĐT đã trả lại cho D xong nên không đề nghị xem xét.

- Xe mô tô biển số 50M-1382 nhãn hiệu: Honda, Dream màu nâu bị hư hỏng do tai nạn của bà Chung Thị C, CQĐT đã trả lại cho đại diện gia đình bà Chung Thị C là chị Trương Thị Thanh N (con ruột bà C) xong nên không đề nghị xem xét.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 của bị cáo Phan Văn D. Đề nghị trả lại cho bị cáo D

Về trách nhiệm dân sự: Qua vụ việc, Phan Văn D thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, sửa chữa xe 50M-1382 và các chi phí khác cho đại diện gia đình nạn nhân Chung Thị C với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Đại diện gia đình nạn nhân Chung Thị C là chị Trương Thị Thanh N (con ruột bà C) đã nhận đủ tiền, có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Lời nói cuối cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, bản ảnh hiện trường, Bản kết luận giám định tử thi số 04/KLGĐTT-TTPY ngày 09/01/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh L (nay là Trung tâm pháp y tỉnh T) và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 21/12/2024, bị cáo Phan Văn D có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 62N1-439.17 lưu thông trên đường ĐT835 hướng huyện C đi Quốc lộ 1. Khi bị cáo D điều khiển xe 62N1-439.17 đến đoạn Km 01^{+100m} thuộc Ấp X, xã P, huyện B (nay thuộc Ấp X P, xã M, tỉnh T) thì phía trước bên phải cùng hướng với bị cáo D có bà Chung Thị C đang đứng cặp lề đường cùng với xe mô tô 50M-1382, do lái khuya, mệt và buồn ngủ, bị cáo D ngủ gật, không chú ý quan sát, không làm chủ được tay lái nên điều khiển chệch về bên phải làm bánh xe và phần mặt nạ xe phía trước bên phải đầu xe đụng bà C làm bà C té ngã xuống đường bị thương được bị cáo D cùng người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện 115 Thành phố C đến ngày 23/12/2024 tử vong do chấn thương sọ não nặng.

Từ những căn cứ trên, xét thấy hành vi của bị cáo Phan Văn D đã vi phạm vào khoản 28 Điều 9, Điều 14 Luật giao thông đường bộ và đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T truy tố bị cáo Phan Văn D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Phan Văn D biết và pháp luật buộc bị cáo phải biết khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân theo các quy định về luật giao thông đường bộ. Thế nhưng bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62N1-439.17 lưu thông trên đường đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, dẫn đến gây tai nạn cho bà Chung Thị C làm bà C tử vong mà còn ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng. Do đó, hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Phan Văn D cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp với mức độ hành vi mà bị cáo gây ra mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Văn D phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Phan Văn D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho đại diện gia đình nạn nhân và đại diện gia đình nạn nhân có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự và trước tòa đại diện gia đình nạn nhân xin cho bị cáo được hưởng án treo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn D còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phan Văn D là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Phan Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo bên ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Xe mô tô biển số 62N1-439.17, nhãn hiệu Honda, màu đỏ, 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 62N1-439.17 do Trần Thị Kim N đứng tên chủ sở hữu, quá trình xác minh xe trên thuộc sở hữu của Phan Văn D, CQĐT đã trả lại cho D xong nên không xem xét.

- Xe mô tô biển số 50M-1382 nhãn hiệu: Honda, Dream màu nâu bị hư hỏng do tai nạn của bà Chung Thị C, CQĐT đã trả lại cho đại diện gia đình bà Chung Thị C là chị Trương Thị Thanh N (con ruột bà C) xong nên không xem xét.

- Trả lại cho bị cáo D 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phan Văn D

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phan Văn D thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, sửa chữa xe 50M-1382 và các chi phí khác cho đại diện gia đình nạn nhân Chung Thị C với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Đại diện gia đình nạn nhân Chung Thị C là chị Trương Thị Thanh N (con ruột bà C) đã nhận đủ tiền, có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phan Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn D 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Văn D về Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Phan Văn D thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho bị cáo Phan Văn D 01 giấy phép lái xe hạng A1 số AR 805552 do Sở giao thông vận tải C cấp năm 2011.

(Vật chứng trên hiện Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - T đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2025).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Văn D nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực X;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T;
- Thi hành án dân sự tỉnh T;
- Bị cáo; đại diện của bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh